

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
T PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15/10/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN T PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Tiến Tập và bà Vũ Thị Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Trung Nghĩa - thư ký tòa án nhân dân T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Uông Bí tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Bích Diệp - kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân T phố Uông Bí xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 113 ngày 09/8/2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38 ngày 23/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30 ngày 08/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thúy N, sinh năm 1993, thường trú tại tổ 1, khu 1, phường Yên Thanh, Tp. Uông Bí, Quảng Ninh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1986, thường trú tại tổ 1, khu 1, phường Yên Thanh, Tp. Uông Bí, Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thúy N và anh Nguyễn Duy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trung Vương, T phố Uông Bí ngày 04/3/2017, do hai bên phát sinh mâu thuẫn nên chị N đã nộp đơn lên tòa án đề nghị giải quyết ly hôn với anh T.

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt nộp đến tòa án, chị N trình bày quan điểm như sau: chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước, sau khi về chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T là người gia trưởng, không tôn trọng vợ, hai bên hay cãi vã, anh T đã có những lời lẽ làm chị tổn thương sâu sắc, cuộc sống hôn nhân của chị rất áp lực, chị thấy không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị giải quyết ly hôn.

Về con chung, có 01 con chung là Nguyễn Gia H (sinh ngày 27/7/2017), tại đơn khởi kiện chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con đến khi T niên và yêu cầu anh

T cấp dưỡng 5.000.000 đồng/ tháng, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị đề nghị giảm mức cấp dưỡng xuống là 3.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung chị đề nghị tự thỏa thuận giải quyết.

Về phần bị đơn là anh T, tại phiên hòa giải đối thoại của Trung tâm hòa giải đối thoại – Tòa án nhân dân T phố Uông Bí, anh T trình bày là còn yêu thương vợ con, theo anh những xung đột cảm xúc của hai bên có thể điều chỉnh để hòa hợp được.

Sau khi Trung tâm hòa giải đối thoại chuyển hồ sơ sang Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh T không đến tòa án làm việc, không có mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, không có mặt tại phiên tòa dân sự sơ thẩm lần một và lần hai.

Tại biên bản xác minh ngày 20/9/2019 với khu trưởng khu 1, phường Yên Thanh, T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, tòa án được cung cấp thông tin như sau: chị N và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước, về chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hai bên ly thân từ tháng 07/2019, nay chị N có đơn ly hôn, đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, tài sản chung đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân T phố Uông Bí phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

- + Có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

- + Giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi T niên, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 3.000.000 đồng/ tháng.

- + Về tài sản chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân gia đình giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, còn nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi về chung sống một thời gian thì phát

sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hai bên ly thân từ tháng 07/2019 đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân chỉ thật sự đạt được khi xuất phát từ ý chí, nguyện vọng và sự tự nguyện của hai bên, trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng chị N và anh T đã không làm được điều này, mặc dù tại trung tâm hòa giải đối thoại anh T không đồng ý ly hôn, nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng anh T không thật sự quyết tâm cứu vãn cuộc hôn nhân của mình, anh T đã không đến Tòa án làm việc nhiều lần, không tham gia hòa giải, không đến phiên tòa lần một và lần hai mà không trình bày lý do gì với Tòa án. Ngoài ra, thời gian hai bên ly thân đến nay đã được ba tháng nhưng anh T cũng không có giải pháp gì để chị N thay đổi quan điểm ly hôn, như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên đương sự đã thật sự không thể hòa giải hàn gắn tình cảm với nhau được nữa, mâu thuẫn hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia H (sinh ngày 27/7/2017), theo quy định khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp mẹ không đủ điều kiện trực tiếp nuôi hoặc hai bên có thỏa thuận khác, chị N hiện có công việc ổn định theo hợp đồng lao động cung cấp cho Tòa án, như vậy việc giao cháu Hân cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và anh T phải cấp dưỡng 3.000.000 đồng/ tháng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 2 Điều 266, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân gia đình; điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thúy N.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thúy N ly hôn anh Nguyễn Duy T.

2. Về con chung: Chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Gia Hân (sinh ngày 27/7/2017) và anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N với số tiền là 3.000.000 đồng/ tháng (ba triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày bản án này của tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung T niên (đủ 18 tuổi). Anh T có

quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Sau khi ly hôn hai bên đương sự vẫn có quyền thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc trường hợp bên nào không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì bên kia có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Duy T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng vào ngân sách nhà nước. Chị Nguyễn Thúy N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000977 ngày 09/8/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự T phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi gửi:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND phường Trung Vương;
- VKSND Tp. Uông Bí;
- Chi cục THADS Uông Bí;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thanh Hải

